

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 610/2023/HC-PT

Ngày: 22/8/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình Khánh;

*Các thẩm phán:* Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Lê Thị Mai.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 213/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9216/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**\* *Người khởi kiện:*** Ông Tạ Đình D, sinh năm 1930; địa chỉ: số nhà X ngõ Y ĐN, quận BTL, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Đào Xuân C; địa chỉ: số nhà X1 PC, phường PS, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**\* *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Hữu D1 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn L – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Bà Tạ Thị A, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn TT, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Tạ Thị A: anh Lưu Văn L1, sinh ngày 06/10/1973; địa chỉ: Thôn TT, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bà Tạ Thị M, sinh năm 1946; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Thọ Y, sinh năm 1947 (chết ngày 23/9/2020);
- Anh Nguyễn Thọ T, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số nhà X1 đường NVĐS, khu phố TN, phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn TN, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Anh Nguyễn Thọ T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà X1 đường NVĐS, khu phố TN, phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà X2 khu phố BD, phường BH, thành phố TA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thọ T4, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà X3 đường VV, khu phố ĐC, phường TĐH, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà M, anh T, anh T2, chị T3, anh T4:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn TN, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Anh Nguyễn Thọ B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn TN, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Hồ Thị L2, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn HL, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Người khởi kiện là ông Tạ Đình D trình bày:* Bố ông là cụ Tạ Đình H (chết năm 1989) và mẹ là cụ Đào Thị C1 (chết năm 2001) sinh được 03 người con gồm: Tạ Đình D, sinh năm 1930; Tạ Thị A, sinh năm 1940 và Tạ Thị M, sinh năm 1945.

Khi còn sống bố mẹ ông có sở hữu một lô đất tại Thôn TN, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, thuộc thửa số 449, tờ bản đồ số 01, diện tích là 2.015m<sup>2</sup> đất thổ cư, thuộc xứ đồng (đo bao) không ghi tên người sử dụng. Bố mẹ chết không để lại di chúc, chưa cho tặng ai, trên đất có một ngôi nhà gỗ cấp bốn lợp ngói hiện nay đang thờ cúng tổ tiên và bố mẹ.

Năm 1993, Nhà nước có chủ trương đo đất, lúc đó bố ông đã qua đời, mẹ ông mù lòa mất trí nhớ. Thời điểm đó, bà M là con gái út lấy chồng là ông Nguyễn Thọ Y ở chung với mẹ ông nên đã đứng ra kê khai nên ông Y đứng tên trong sổ mục kê và bản đồ địa chính, tại thửa 449, tờ bản đồ số 1, diện tích 560m<sup>2</sup>.

Khi mẹ chết, ông ở xa, bà A đi lấy chồng nên bà M và ông Y đã tự ý giao ngôi nhà gỗ 04 gian lợp ngói của bố mẹ ông (đang sử dụng vào việc thờ cúng) và toàn bộ diện tích đất cho Chị Nguyễn Thị T1 (con gái bà M, ông Y) quản lý, sử dụng, trông coi, vợ chồng bà M và ông Y chuyển về nhà của Chị T1 ở và thỉnh thoảng vào thành phố Hồ Chí Minh thăm con trai thứ hai.

Năm 2018, ông về quê làm giỗ cho bố mẹ thì thấy nhà của bố mẹ đã có người khác đến ở, ông có hỏi Chị T1 thì được biết Chị T1 đã cho Đoàn địa chất thuê nhà đất lâu dài để vật liệu xây dựng. Chị T1 đã nhiều lần cản trở không cho ông lấy lại nhà đất. Sau đó ông đã làm đơn trình báo Công an xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhưng không được giải quyết. Ngày 29/3/2019, Ủy ban nhân dân xã XT đã tổ chức hòa giải nhưng Chị T1 cố tình không đến nên buổi hòa giải không thành.

Ngày 20/10/2020, ông đến Ủy ban nhân dân xã XT xin sao chụp hồ sơ thì được biết đất của bố mẹ ông đã được Ủy ban nhân dân huyện TX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thọ Y là chồng bà Tạ Thị M năm 2001.

Ông Tạ Đình D khởi kiện yêu cầu Tòa án tỉnh Thanh Hóa: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y, tại tờ bản đồ số 7, thửa 834, diện tích 556m<sup>2</sup>, sê ri cấp bìa: 0356771, vào sổ cấp giấy số 7365 ngày 02/7/2001.

*Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện TX trình bày:*

+ Về hồ sơ quản lý đất đai:

- Theo hồ sơ 299 xã XT lập năm 1985: Thửa đất ông Tạ Đình D đang có đơn khởi kiện thuộc một phần thửa số 449, tờ bản đồ số 01, diện tích 20.125m<sup>2</sup> (đo bao), loại đất T, không ghi tên chủ sử dụng đất;

- Theo sổ giao năm 1993: Tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thọ Y, tại thửa đất số 449, tờ bản đồ số 01, diện tích 560m<sup>2</sup> (Thổ cư: 264.0m<sup>2</sup>; Thổ canh 296.0m<sup>2</sup>); đã được cấp GCNQSD đất số 356771; số vào sổ H 13469;

- Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2001: Tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thọ Y, thuộc thửa số 384, tờ bản đồ số 7, diện tích 556,0m<sup>2</sup> (Đất ở: 200m<sup>2</sup>; đất vườn 356m<sup>2</sup>);

- Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2001: Tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Thọ Y, thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 12, diện tích 560,8m<sup>2</sup> (chưa cấp đổi lại GCNQSD đất sau đo đạc).

+ Về hồ sơ cấp GCNQSD đất:

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ lưu trữ, tuy nhiên do hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Thọ Y đã lâu, số lượng hồ sơ nhiều, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển địa điểm làm việc nhiều lần, chuyển giao qua nhiều người phụ trách. Do đó hiện tại hồ sơ cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất của ông Nguyễn Thọ Y bị thất lạc, không có để giao nộp cho Tòa án.

+ Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện TX: Nội dung khởi kiện của ông Tạ Đình D liên quan đến tranh chấp phân chia di sản thừa kế. Trong quá trình sử dụng đất có sự chuyển giao đối tượng sử dụng đất, nhưng không có hồ sơ, giấy tờ chứng minh như: Giấy tờ về mua bán, tặng cho, thừa kế ...

Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã XT hòa giải không thành. Do đó Ủy ban nhân dân huyện TX đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu pháp lý để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã XT trình bày:*

Thông nhất về nguồn gốc đất đai và Hồ sơ quản lý đất đai như Ủy ban nhân dân huyện TX trình bày.

Ngày 29/3/2019, Ủy ban nhân dân xã XT đã tổ chức buổi hòa giải về việc tranh chấp đất đai nhưng chỉ ông Tạ Đình D có mặt nên buổi hòa giải không thành.

Theo đợt cấp GCNQSD đất ở địa phương năm 1994 thì hộ ông Tạ Đình H đã cho ông Nguyễn Thọ Y đứng tên trong GCNQSD đất, nhưng không có lưu hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho gì. Nay vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Tạ Thị A trình bày:*

Thông nhất về nguồn gốc đất của bố mẹ (cụ H, cụ C1) như ông Tạ Đình D trình bày. Bố mẹ bà chưa được cấp GCNQSD đất. Sau khi bố mẹ chết nhà đất do Chị Nguyễn Thị T1 (con của bà A) quản lý. Ông Tạ Đình D là anh trai đã nhiều

lần về họp bàn để sửa chữa nhà thờ và làm thủ tục phân chia tài sản nhưng Chị T1 không đồng ý.

Quan điểm của bà A thống nhất với nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình D.

*Đối với các ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M và Chị Nguyễn Thị T1 thì:* Trong quá trình giải quyết vụ án lần thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập, nhưng ông Y, bà M và Chị T1 không nhận Giấy triệu tập, không đến làm việc, không nộp Bản tự khai và không đến phiên tòa mà không có lý do.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HCST ngày 18/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình D, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y ngày 02/7/2001, tại tờ bản đồ số 7, thửa 834, diện tích 556m<sup>2</sup> số seri 0356771, số vào sổ 7365/QĐ-UBND.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị M, Chị Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, không khách quan, không đúng pháp luật vì ông Y đã chết ngày 23/9/2020, ông Y có 06 người con (Nguyễn Thọ T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thọ T2, Nguyễn Thọ T4, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị B). Nhà đất ông bà ngoại đã cho ông Y, bà M. Ông Y, bà M ở nuôi ông bà ngoại và xây nhà từ năm 1995, ông D là con nuôi không phải con đẻ, ông D khai tử bà Đào Thị C1 chết năm 2001 là không đúng (bà C1 chết ngày 29/7/2001 là đúng).

Tại Bản án phúc thẩm số 128/2022/HCPT ngày 20/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị M, Chị Nguyễn Thị T1, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2021/HCST ngày 18/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, giao hồ

sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, với các lý do:

+ Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy GCNQSD đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y ngày 02/7/2001 tại tờ bản đồ số 7, thửa 834, diện tích 556m<sup>2</sup>, số seri 0356771 vào sổ cấp 7365/QĐ-UBND là có căn cứ;

+ Ông Y đã chết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ các con của ông Y, bà M tham gia tố tụng là không đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của các bên mà không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm.

Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, ông Tạ Đình D, Bà Tạ Thị A, Ủy ban nhân dân huyện TX, Ủy ban nhân dân xã XT giữ nguyên quan điểm.

*\* Bà Tạ Thị M và các con (Anh Nguyễn Thọ T, Chị Nguyễn Thị T1, Anh Nguyễn Thọ T2, Chị Nguyễn Thị T3, Anh Nguyễn Thọ T4, Anh Nguyễn Thọ B) thống nhất trình bày:*

- Về nguồn gốc đất: Thửa số 449, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo đạc năm 1987, diện tích 2.015m<sup>2</sup> (đo bao), loại đất thổ cư, thuộc Xứ Đồng (xóm 14 cũ), nay là Thôn TN, xã XT, huyện TX là của ông Tạ Đình H, bà Đào Thị C1, ông H, bà Chênh chưa được cấp GCNQSD đất, nhưng có danh sách các hộ sử dụng từ năm 1985 - 1987. Khi còn sống ông H, bà C1 đã thống nhất để lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M toàn bộ mảnh đất (kể cả đất canh tác), ông bà có mời Hợp tác xã xuống đo đạc và được Ủy ban nhân dân xã XT làm thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật (có sổ theo dõi của Ủy ban nhân dân xã XT). Năm 1993 Nhà nước có chủ trương đo đạc lại để cấp GCN theo luật đất đai. Trên cơ sở mục kê 299 năm 1985, Ủy ban nhân dân xã XT có hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện TX và Ủy ban nhân dân huyện TX đã cấp GCNQSD đất hợp pháp cho ông Nguyễn Thọ Y. Quá trình sử dụng Nhà nước đã cấp đổi GCNQSD đất 04 lần, không có ai tranh chấp, kiện cáo gì.

- Về ngôi nhà: Ông H, bà C1 chỉ có 03 gian nhà tranh. Năm 1985 vợ chồng ông Y, bà M bán trâu, lợn mua được ngôi nhà gỗ cũ 04 gian ở xã TM về dựng, đến năm 1986 mua ngói về lợp được 1/2 nhà, năm 1987 mới lợp được đủ ngôi nhà. Năm 1988, 1989 ông Y và con trai cả là Nguyễn Thọ T đóng gạch, đầu năm 1990 anh T đi bộ đội, đến năm 1995 gia đình mới dùng số gạch ngói đã đóng để xây ngôi nhà mái bằng có buồng lồi làm nơi ở của cả gia đình và thờ cúng ông bà cho đến nay.

- Về quan hệ gia đình: Ông Tạ Đình H và bà Đào Thị C1 chỉ sinh được 02 người con là Bà Tạ Thị A và bà Tạ Thị M. Năm 1935 ông H, bà Chênh thấy ông D đi lang thang cơ nhỡ nên đem về nuôi, khi đó ông D khoảng 05 tuổi. Cuối năm 1946 ông H bị liệt hai chân, hoàn cảnh lúc đó rất khó khăn, khổ sở, ông D không

chịu được nên đã tự ý bỏ nhà đi. Năm 1968 bà M kết hôn với ông Nguyễn Thọ Y. Vì điều kiện gia đình vất vả, khó khăn, bố bị liệt hai chân nên bà Chênh xin cho ông Y về ở rể. Ngày 09/11/1989 ông H chết, ngày 29/7/1997 bà Chênh chết (ông D không biết bố mẹ chết ngày nào). Năm 2010 ông Y bị suy thận giai đoạn cuối nên anh T đưa bố vào Bình Dương để chạy thận nhân tạo, bà M vẫn sống tại ngôi nhà ở quê và đi lại thăm chồng. Năm 2014 ông Y bệnh nặng nên bà M vào chăm sóc, nhà cửa nhờ con gái là Nguyễn Thị Thơm trông coi.

Ông Tạ Đình D sau nhiều năm bỏ đi đâu không rõ, đến năm 1980 ông D có về nhà một vài lần rồi lại đi. Năm 2018 ông D về nói với Chị T1 là Bác mới về quê bố mẹ ruột ở xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa mượn đất để làm nhà, nhưng giờ Bác đổi ý muốn về quê bố mẹ nuôi để ở (tức nhà của ông Y, bà M). Vợ chồng ông Y, bà M đã bàn bạc với các con nhất trí cho ông D về ở, nhưng ông cũng chỉ ở 01 tuần sau đó đòi chia 01 suất đất, gia đình bà M không đồng ý. Sau này thì gia đình bà M có nghe các cháu của ông D gọi điện báo ông D mới về tranh chấp đất ở quê bố mẹ ruột không được nên mới lên quê bố mẹ nuôi tranh chấp.

Ngày 29/3/2019, Ủy ban nhân dân xã XT có tổ chức hòa giải, nhưng gia đình bà M đang lo chữa bệnh cho ông Y ở Bình Dương nên không tham dự. Đến ngày 20/10/2020, ông D lại làm đơn khiếu kiện đòi nhà và yêu cầu hủy GCNQSD đất hợp pháp của gia đình bà M. Trong khi ông Y đã chết ngày 23/9/2020 (có Giấy chứng tử số 134 ngày 24/9/2020 của Ủy ban nhân dân phường DA, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương), nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn dựa vào lời khai của ông Tạ Đình D hủy GCNQSD đất hợp pháp của gia đình bà M, gia đình đã làm đơn khiếu nại và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử hủy Bản án sơ thẩm số 11/2021/HC-CT ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết, Tòa án có yêu cầu gia đình bà M cung cấp chứng cứ (Giấy lẫn tay của ông Tạ Đình H, bà Đào Thị C1 cho vợ chồng ông Y, bà M đất cách đây gần 40 năm), gia đình đã liên hệ với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TX, nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường trả lời do thời gian quá lâu Phòng di chuyển địa điểm làm việc nhiều lần, qua nhiều người phụ trách nên không biết thất lạc ở đâu. Việc quản lý giấy tờ là do Phòng Tài nguyên và Môi trường, hiện tại gia đình bà M chỉ quản lý duy nhất GCNQSD đất được Nhà nước cấp số 7365 ngày 02/7/2001.

Bà M và các con đề nghị Tòa án xem xét hợp tình, hợp lý theo đúng quy định của pháp luật, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho gia đình.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1, khoản

3 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính Phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; điểm c khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình D, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M ngày 02/7/2001, tại thửa số 834, tờ bản đồ số 07, diện tích 556,0m<sup>2</sup>, số seri 0356771, số vào sổ 7365/QĐ-UBND (cấp đổi mang tên ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M ngày 18/9/2006, số seri AE505123, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H07365).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chị Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình D, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M ngày 02/7/2001, tại thửa số 834, tờ bản đồ số 07, diện tích 556,0m<sup>2</sup>.

Ngày 30/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Tạ Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình D, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M ngày 02/7/2001, tại thửa số 834, tờ bản đồ số 07, diện tích 556,0m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Nguyễn Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của Bà Tạ Thị A xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:



[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Chị Nguyễn Thị T1, Bà Tạ Thị A có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt; vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt người bị kiện. Tuy nhiên, đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xét thấy đủ điều kiện để tiếp tục xét xử vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, ông Tạ Đình D đề nghị Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M ngày 02/7/2001, tại thửa số 834, tờ bản đồ số 07, diện tích 556,0m<sup>2</sup>, số seri 0356771, số vào sổ 7365/QĐ-UBND tại địa chỉ Thôn TN, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện, ngày 20/10/2020, ông Tạ Đình D biết được việc Ủy ban nhân dân huyện TX đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thọ Y và bà Tạ Thị M; ngày 20/10/2020, ông Tạ Đình D có đơn khởi kiện quyết định này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Tạ Đình D bảo đảm về yêu cầu thời hiệu là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.5] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Bà Tạ Thị A xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; tuy nhiên tại giấy ủy quyền ngày 15/8/2023 giữa Bà Tạ Thị A và ông Lưu Văn L1 không thể hiện nội dung ông Lưu Văn L1 được quyền rút kháng cáo mà chỉ thể hiện nội dung được tiếp kiến tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc người đại diện theo ủy quyền của Bà Tạ Thị A xin rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa hôm nay là vượt quá phạm vi ủy quyền nên không có cơ sở để chấp nhận và vẫn xem xét nội dung kháng cáo của Bà Tạ Thị A theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về nguồn gốc thửa đất số thửa 834, tờ bản đồ số 7, diện tích 556m<sup>2</sup> theo

Bản đồ địa chính năm 2001 (trước là thửa đất số 449, tờ bản đồ 01, bản đồ đo đạc năm 1993) là của cụ Tạ Đình H và Đào Thị C1 có trong thời kỳ hôn nhân, thời điểm sử dụng đất trước năm 1980.

Theo Hồ sơ địa chính, quá trình sử dụng đất qua các thời kỳ thể hiện:

+ Theo Bản đồ 299 và sổ mục kê năm 1985, vị trí đất tranh chấp thuộc thửa số 499, tờ bản đồ số 1, diện tích nguyên thửa 20.125m<sup>2</sup> (đo bao), loại đất thổ cư, không ghi tên chủ sử dụng đất.

+ Theo Sổ giao ruộng đất năm 1993: Chủ sử dụng ông Nguyễn Thọ Y tại thửa số 449, tờ bản đồ 01, diện tích 560m<sup>2</sup> (thổ cư 264m<sup>2</sup>, thổ canh 296m<sup>2</sup>).

+ Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2001: Tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thọ Y, vợ là Tạ Thị M thuộc thửa số 834, tờ bản đồ số 7, diện tích 556m<sup>2</sup> đất (đất ở 200m<sup>2</sup>, đất vườn 356m<sup>2</sup>);

+ Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2014: Tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Thọ Y, vợ Tạ Thị M thuộc thửa số 158, tờ bản đồ số 12, diện tích 560m<sup>2</sup>.

Cụ Tạ Đình H và cụ Đào Thị C1 (là bố mẹ của ông D, bà A, bà M), cụ H, cụ C1 chết không để lại di chúc. Do vợ chồng ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M ở cùng với cụ H, cụ C1 nên đến năm 1993 ông Nguyễn Thọ Y đứng tên kê khai quyền sử dụng đất trong hồ sơ địa chính. Ủy ban nhân dân xã XT, Ủy ban nhân dân huyện TX xác nhận ông Nguyễn Thọ Y đã được Ủy ban nhân dân huyện TX cấp GCNQSD đất ngày 02/7/2001 tại thửa đất nêu trên.

Theo báo cáo Ủy ban nhân dân huyện TX, hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Thọ Y bị thất lạc nên không thể cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án và bà ông Y, bà M chưa được cấp đổi GCNQSD đất. Tại Tòa án cấp sơ thẩm gia đình bà M cung cấp GCNQSD đất cấp đổi ngày 18/9/2006, mang tên ông Nguyễn Thọ Y, bà Nguyễn Thị Mùi, diện tích, vị trí đất không thay đổi, do đó cần được xem xét giải quyết triệt để luôn trong vụ án.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, Ủy ban nhân dân huyện TX không xác định nguồn gốc đất mà chỉ căn cứ hiện trạng sử dụng và hồ sơ địa chính mà không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc cụ H, cụ C1 đã cho ông Y, bà M toàn bộ nhà và đất tại thửa số 834, tờ bản đồ số 7, diện tích 556m<sup>2</sup> (Bản đồ địa chính năm 2001); không có xác nhận của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản để lại thừa kế, phân chia thừa kế của các con đối với tài sản của cụ C1, cụ M, và không kiểm tra, xác minh những người thuộc diện thừa kế đối với thửa đất và không xác định tình trạng có tranh chấp hay không có tranh chấp là không đảm bảo về trình tự thủ tục và không đủ căn cứ.

Ủy ban nhân dân huyện TX và Ủy ban nhân dân xã XT đều thừa nhận:  
*“Trong quá trình sử dụng đất có sự chuyển giao đối tượng sử dụng đất nhưng*

*không có hồ sơ, giấy tờ minh chứng như: giấy tờ về mua bán, tặng cho, thừa kế...; Ở địa phương thời kỳ trước đây, theo đợt cấp GCNQSD đất năm 1994, thì hộ cụ Tạ Đình H cho ông Nguyễn Thọ Y đứng tên trong GCNQSD đất, không có lưu hồ sơ chuyển nhượng, cho tặng gì. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã, các ban ngành đoàn thể xã XT hòa giải nhưng không thành”.*

Bà M và các con không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thêm để chứng minh việc cụ H, cụ C1 đã đồng ý cho ông Y, bà M sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất của bố mẹ.

Do đó, việc cấp GCNQSD đất của Ủy ban nhân dân huyện TX cho ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M tại thời điểm năm 2001 và cấp đổi ngày 18/9/2006 là không đúng quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật Đất đai năm 1993; điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính Phủ và điểm c khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Tạ Đình D hủy GCNQSD đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp cho ông Nguyễn Thọ Y ngày 02/7/2001 tại tờ bản đồ số 7, thửa số 834, diện tích 556m<sup>2</sup>, số sêri 0356771, số vào sổ 7365/QĐ-UBND và GCNQSD đất do Ủy ban nhân dân huyện TX cấp đổi ngày 18/9/2006 mang tên ông Nguyễn Thọ Y, bà Tạ Thị M tại thửa đất nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T1 cho rằng cụ Tạ Đình H và cụ Đào Thị C1 chỉ sinh được 02 người con là Bà Tạ Thị A, sinh năm 1940 và bà Tạ Thị M, sinh năm 1946. Còn ông Tạ Đình D là người lang thang cơ nhỡ, năm 1935 được cụ H, cụ C1 thấy tình cảnh đáng thương nên cho về ở nhờ cùng nhà. Đến năm 1946, gia đình cụ H có hoàn cảnh khó khăn thì ông D tự ý bỏ đi. Bà T1 cho rằng ông D không phải là con của cụ H, cụ C1, đề nghị ông D xuất trình giấy khai sinh, bản giám định ADN hoặc quyết định công nhận con nuôi. Tuy nhiên, đây là vụ việc dân sự chưa được các bên đương sự hòa giải, thống nhất nên không thể giải quyết được trong cùng vụ án hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án dân sự khác là đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Tạ Thị A và Chị Nguyễn Thị T1, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo, Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí hành chính phúc thẩm; Bà Tạ Thị A là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của Bà Tạ Thị A và Chị Nguyễn Thị T1, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000303 ngày 30/01/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; Bà Tạ Thị A được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đình Khánh**